

Cơ hội và thách thức của thủy sản Việt Nam trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN

DƯƠNG NGỌC HỒNG*
NGUYỄN NGỌC TRUNG**

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) thành lập vào cuối năm 2015 và được đánh giá là một bước ngoặt đánh dấu sự hòa nhập toàn diện của các nền kinh tế khu vực Đông Nam Á và mở ra nhiều cơ hội lẫn thách thức cho các nước thuộc khu vực này, trong đó có Việt Nam. Bài viết tập trung nghiên cứu về những cơ hội, thách thức đối với các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp khuyến nghị góp phần thúc đẩy hoạt động của các doanh nghiệp này.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA NGÀNH THỦY SẢN KHI THAM GIA AEC

Ngành thủy sản đang trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, ngành sản xuất hàng hóa lớn, đi đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế. Với sự tăng trưởng nhanh và hiệu quả, thủy sản đã đóng góp tích cực trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, đóng góp hiệu quả cho công cuộc xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho cộng đồng dân cư.

Trong giai đoạn 2001-2015, xuất khẩu thủy sản Việt Nam tăng nhanh về cả giá trị và khối lượng. Đến năm 2015, giá trị xuất khẩu đạt 6,57 tỷ USD, các mặt hàng thủy sản được xuất khẩu sang 164 nước và vùng lãnh thổ. 3 thị trường chính là: Hoa Kỳ 20%, EU chiếm 18%, và Nhật Bản 16% và đang có những thị trường tiềm năng, như: Trung Quốc (9,4%) và ASEAN (7,6%).

Cuối năm 2015, AEC được thành lập làm gia tăng cơ hội cho ngành thủy sản Việt Nam. Đó là:

Một là, cơ hội có được một thị trường rộng lớn hơn.

ASEAN có tổng GDP trên 2,7 nghìn tỷ USD, tăng trưởng trung bình 5%-6% hàng năm. Dân số trên 600 triệu người, với cơ cấu dân số tương đối trẻ. Thu nhập bình quân đầu người trên 4.500 USD/người/năm. Tổng giá trị giao dịch thương mại 2,5 nghìn tỷ USD (Hà Văn Hội, 2013). AEC với việc tự do hóa dịch chuyển hàng hóa, dịch vụ trong khu vực ASEAN sẽ khuyến khích các hoạt động kinh doanh và đầu tư lớn hơn giữa các nước thành viên. Các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam

sẽ đầu tư hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhiều hơn ở các nước khác trong khu vực ASEAN. Đây là cơ hội tốt để các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam nắm bắt thời cơ mở rộng thị trường.

Hai là, cơ hội mở rộng xuất nhập khẩu.

ASEAN hiện là đối tác thương mại quan trọng hàng đầu của Việt Nam và là động lực giúp nền kinh tế nước ta duy trì tốc độ tăng trưởng và xuất khẩu trong nhiều năm qua, vượt trên cả EU, Nhật Bản, Trung Quốc hay Hoa Kỳ. Với lợi thế là khu vực phát triển năng động, gần gũi về địa lý, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các thành viên trong ASEAN có mức tăng trưởng cao. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, so với năm 2002, thương mại hai chiều Việt Nam và ASEAN năm 2014 đã tăng hơn 5 lần, chiếm gần 20% tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu của cả nước. Giai đoạn 2002-2014, nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang ASEAN đạt 28,4%/năm và nhập khẩu đạt 27%/năm.

Theo số liệu của Hiệp hội Thủy sản Việt Nam, tính đến hết tháng 06/2016, ASEAN vừa là thị trường xuất khẩu lớn thứ 5 (sau Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và Trung Quốc) và cũng vừa là đối tác nhập

* , Học viện Chính sách và Phát triển
** , Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Email: nnt226@gmail.com

khẩu đứng thứ 7 của doanh nghiệp thủy sản Việt Nam. Giá trị xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang ASEAN tăng trưởng 5%-10%/năm. Trong đó, tính riêng 06 tháng đầu năm 2016, tổng giá trị xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong khu vực tăng 35,63% so với 5 năm trước (Bảng 1, 2).

Trong 9 thị trường xuất khẩu trong khu vực, Thái Lan là đối tác đặc biệt quan trọng của thủy sản Việt Nam, tiếp đó là thị trường Singapore, Malaysia và Philippines.

ASEAN vừa là thị trường xuất khẩu lớn, nhưng cũng là nguồn cung truyền thống, chất lượng tốt. 06 tháng đầu năm 2016, tổng giá trị nhập khẩu thủy sản từ ASEAN đạt 90,6 triệu USD, tăng nhẹ 1,3% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài các thị trường nguyên liệu khác, như: Ấn Độ, Đài Loan, Peru, ASEAN là nguồn cung lớn của các nhà nhập khẩu cua ghẹ, cá ngừ, mực, bạch tuộc Việt Nam.

Ba là, cơ hội nâng cao năng lực cạnh tranh cho hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Khi AEC được thành lập, doanh nghiệp thủy sản Việt Nam sẽ có thị trường rộng lớn hơn. Thêm vào đó, khi thuế suất trong ASEAN giảm xuống 0%, các doanh nghiệp thủy sản sẽ có điều kiện giảm chi phí, hạ giá thành hàng xuất khẩu, góp phần gia tăng năng lực cạnh tranh. Theo quy định của ASEAN, các sản phẩm sản xuất có tỷ lệ “nội khối” 40% được xem là sản phẩm vùng ASEAN, sẽ được hưởng các ưu đãi khi xuất khẩu sang các thị trường khu vực ASEAN đã có FTA. Đây cũng là cơ hội để Việt Nam tận dụng các ưu đãi, nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu thủy sản trong nước sang thị trường khu vực.

Bốn là, cơ hội thu hút các nguồn vốn đầu tư.

Cơ hội được trông đợi nhất, từ tất cả các nước ASEAN chứ không riêng gì Việt Nam đó là sự đầu tư và hợp tác đến từ các nền kinh tế lớn, phát triển. Bởi vì, việc kết nối và xây dựng một ASEAN thống nhất, bớt chia cắt hơn, sẽ khiến các nhà đầu tư lớn nhìn ASEAN như một sân chơi chung, một công xưởng chung, ở đó có một khối các nguồn lực thống nhất, đặc biệt là nguồn nhân lực có kỹ năng với giá còn tương đối rẻ.

AEC cũng sẽ giúp Việt Nam cải thiện tốt hơn môi trường kinh doanh từ thủ tục hải quan, thủ tục hành chính cho tới việc tạo ra ưu đãi đầu tư cân bằng hơn. Thu hút đầu tư nhiều hơn đồng nghĩa với quá trình

BẢNG 1: XUẤT KHẨU THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG ASEAN
TỪ NĂM 2011 ĐẾN 06/2016
Đơn vị: USD

STT	Sản phẩm	2011	06/2016	↑↓%
1	Cá các loại khác (thuộc mã 0301 đến 0305 và 1604 trừ cá ngừ cá tra)	80.076.456	169.906.792	+112,18
2	Cá ngừ (thuộc mã 03 & 16)	20.246.472	31.763.566	+56,88
3	Cá tra (thuộc mã 03 & 16)	110.851.730	112.064.391	+1,09
4	Cua ghẹ và giáp xác khác (mã HS03 & 16)	4.222.721	5.028.505	+19,08
5	Nhuễn thể	45.260.170	49.213.255	+8,73
6	Tôm các loại (thuộc mã 03 & 16)	48.184.211	55.811.395	+15,83
Tổng cộng		308.841.761	423.787.902	+35,63

BẢNG 2: NHẬP KHẨU THỦY SẢN TỪ ASEAN
NĂM 06/2015 – 06/2016

Sản phẩm	06/2015	06/2016	↑↓%
Cá các loại khác (thuộc mã 0301 đến 0305, và 1604, trừ cá ngừ, cá tra)	8.683.876	12.119.479	+39,56
Cá ngừ (thuộc mã 03 & 16)	15.551.274	18.577.186	+19,46
Cá tra (thuộc mã 03 & 16)	3.165.597	2.861.852	-9,6
Cua ghẹ và giáp xác khác (mã HS03 & 16)	1.352.721	1.583.292	+17,04
Nhuễn thể chân đầu (thuộc mã 0307 & 16)	8.260.170	8.453.603	+2,34
Nhuễn thể HVM (thuộc mã 0307 & 16)	1.470.338	515.225	-60,96
Tôm các loại (thuộc mã 03 & 16)	49.717.689	46.465.837	-6,54
Tổng	88.201.665	90.576.474	+1,3

Nguồn: VASEP, 2016

chuyển giao công nghệ diễn ra nhanh và tích cực hơn, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp, tạo đà cho ngành thủy sản Việt Nam hướng tới phát triển cân bằng với các quốc gia khác.

Tuy nhiên, bên cạnh đó là những thách thức đối với ngành thủy sản, đó là:

(1) Tham gia vào AEC đồng nghĩa với việc mở cửa và hội nhập hơn nữa vào tất cả các thị trường. Mặc dù, chính sách của Nhà nước Việt Nam đã có nhiều thay đổi nhằm tạo cơ hội và điều kiện tối đa cho doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, nhưng việc tái cơ cấu, cải cách thủ tục hành chính đang cần có thời gian để thay đổi mang tính bước ngoặt. Đây chính là những rào cản không nhỏ đang giảm sức cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản tại các thị trường nhập khẩu lớn. Hiện nay, với những ưu đãi về thuế nhập khẩu nguyên liệu, một số nước, như: Thái Lan, Singapore đang khiến doanh nghiệp thủy sản Việt Nam khó cạnh tranh để giành được thị phần.

(2) Ngành thủy sản cần lực lượng lao động lớn. Tuy nhiên, vì thực trạng lao động ngành thủy sản không ổn định, các quy định chặt chẽ về lao động từ AEC sẽ tăng thêm thách thức cho doanh nghiệp chế biến thủy sản. Vấn đề an toàn lao động, tiền lương, giờ làm việc, vệ sinh lao động, cấm lao động trẻ em, cùng cơ chế giám sát và chế tài đặt ra trong khuôn khổ cam kết AEC sẽ tạo ra không ít thách thức đối với doanh nghiệp khi tham



Doanh nghiệp thủy sản Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội để cạnh tranh với các nước trong khu vực

gia vào các chuỗi cung ứng xuất khẩu, vì nếu vi phạm, có thể bị kiện và bị phạt. Việc đưa các tiêu chuẩn lao động bao hàm các thách thức và cơ hội. Do đó, doanh nghiệp cần phải chủ động hơn nữa để nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập tốt hơn.

(3) Thuận lợi hóa thương mại trong AEC cũng sẽ tạo ra sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu đối với các sản phẩm, ngành hay lĩnh vực sản xuất, kinh doanh ngay tại thị trường Việt Nam. Khi Việt Nam thực hiện cam kết giảm thuế suất đối với các sản phẩm nhập khẩu từ các nước đối tác mà Việt Nam đã cùng ASEAN ký kết hiệp định thương mại, hàng hóa Việt Nam sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh của hàng nhập khẩu từ các nước đối tác này. Khi một nền kinh tế chưa được chuẩn bị đầy đủ trước những đối thủ cạnh tranh trong điều kiện các hàng rào thuế quan đã sớm bị dỡ bỏ sẽ dẫn đến những tổn thất về kinh tế trong cuộc cạnh tranh không cân sức, đồng thời còn gây sức ép đối với ngành thủy sản Việt Nam.

GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN TRONG AEC

Nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển ngành thủy sản, trong thời gian tới, theo chúng tôi, cần thực hiện các giải pháp sau:

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2014). *Thông tư số 165/2014/TT-BTC, về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015-2018*
2. Tổng cục thống kê (2015). *Niên giám Thống kê năm 2015*, Hà Nội
3. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (2016). *Báo cáo xuất khẩu thủy sản Việt Nam 06 tháng đầu năm 2016*
4. Hà Văn Hội (2013). *Tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN và những tác động đến thương mại quốc tế của Việt Nam*, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

Thứ nhất, để nắm bắt cơ hội cũng như tăng trưởng một cách bền vững tại thị trường ASEAN thì các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam cần linh hoạt, nhạy bén, sớm nhận diện và nắm bắt cơ hội tăng trưởng xuất khẩu, nhanh chóng tận dụng những lợi thế và ưu đãi để xúc tiến xuất khẩu sang thị trường các nước ASEAN, như: Thái Lan, Indonesia, Malaysia. Trước mắt, các doanh nghiệp trong nước cần nỗ lực hơn nữa, đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường các nước trong khu vực này, để trong một vài năm tới các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam sẽ vừa tăng thị phần, vừa giảm nhập siêu và tiến tới từng bước cân bằng cán cân thương mại trong buôn bán với các quốc gia thành viên ASEAN.

Thứ hai, các doanh nghiệp thủy sản cần phải chủ động nâng cao sức cạnh tranh, sẵn sàng hội nhập và đối mặt với xu thế mới, như: tự do hóa đầu tư, thương mại, giảm và xóa bỏ thuế quan, đơn giản hóa thủ tục, hình thành tiêu chuẩn hàng hóa chung... Đồng thời, các doanh nghiệp cần liên tục cải cách quy tắc xuất xứ, đưa ra những điều chỉnh cần thiết để thích ứng với những thay đổi trong quy trình sản xuất toàn cầu, hàng hóa phải đáp ứng được những tiêu chí, quy định về xuất xứ mới được hưởng ưu đãi về thuế quan.

Thứ ba, gia nhập AEC, đồng nghĩa với việc doanh nghiệp thủy sản sẽ có nhiều cơ hội để cạnh tranh với các nước trong khu vực. Tuy nhiên, để tận dụng được điều này, các doanh nghiệp phải tự nỗ lực để đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, xác định cơ hội thị trường, đầu tư máy móc thiết bị để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thứ tư, các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam cần trang bị cho mình những phương thức hiệu quả trong quản lý rủi ro, như: hiểu và sử dụng các công cụ phòng chống rủi ro biến động, nhận thức và đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn, hàng rào kỹ thuật cũng như vấn đề về ổn định kinh tế vĩ mô, thay đổi chính sách....□